TÒA ÁN NHÂN DÂN KV1 **THÀNH PHỐ X**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **16/2026/QĐST-HNGD**	*Thành phố X, ngày 06 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 63/2025/HNST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Hoàng D, sinh năm 1991

Địa chỉ thường trú: 174/34 L, Phường C (cũ là Phường A, Quận B), TP. X.

Bị đơn: Ông Vũ Quang D1, sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: 174/34 L, Phường C (cũ là Phường A, Quận B), TP. X.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Dương Thị Hoàng D và ông Vũ Quang D1 thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2012 tại Uỷ ban nhân dân Phường A, Quận B, THÀNH PHỐ X cấp ngày 27/4/2012*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà Dương Thị Hoàng D và ông Vũ Quang D1 xác định có 02 người con chung tên Vũ Ngọc L1, sinh ngày 26/8/2012 và Vũ Ngọc L2, sinh ngày 11/9/2019.

Hai bên đương sự thoả thuận giao trẻ Vũ Ngọc L1, sinh ngày 26/8/2012 cho bà Dương Thị Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao trẻ Vũ Ngọc L2, sinh ngày 11/9/2019 cho ông Vũ Quang D1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; cấp dưỡng nuôi con tự thoả thuận.

Bà D, ông D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông bà không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có.

2.3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, bà Dương Thị Hoàng D tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số BLTU/25E số 0026149 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ X. Bà Dương Thị Hoàng D được nhận lại 150.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.X;
- VKSND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân KV1 TP.X;
- Phòng Thi hành án dân sự KV1;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP TAKV1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Quỳnh